

ボルダー福井カップ2026成績表

日時: 令和8年3月8日(日)

会場: 福井県立クライミングセンター 福井市合谷町1

予選

ビギナー

No.	氏名	B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	B8	成績	B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	B8	順位								
1	石丸 縁乃介	25	10	9.9	25	25	9.6	0	24.9	129.4	T1	Z1	T0	Z1	T0	T2	T1	Z1	T1	Z1	T0	Z5	T0	Z0	T2	Z2	3
2	齋藤 樹	25	25	24.5	25	25	25	0	25	174.5	T1	Z1	T1	Z1	T6	T1	T1	Z1	T1	Z1	T0	Z0	T1	Z1			2
3	水嶋 駿太	0	9.9	10	10	25	0	0	0	54.9	T0	Z0	T0	Z2	T0	T1	T0	Z1	T1	Z1	T0	Z0	T0	Z0	T0	Z0	5
4	三田 眞子	24.9	0	10	10	25	0	0	0	69.9	T2	Z2	T0	Z0	T0	T1	T0	Z1	T1	Z1	T0	Z0	T0	Z0	T0	Z0	4
5	山本 拓磨	25	25	25	25	25	24.9	0	25	174.9	T1	Z1	T1	Z1	T1	T1	T1	Z1	T1	Z1	T2	Z1	T0	Z0	T1	Z1	1

ミドル

No.	氏名	B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	B8	成績	B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	B8	順位								
1	石丸 倅乃介	25	25	25	25	25	24.8	24.9	24.6	199.3	T1	Z1	T1	Z1	T1	Z1	T1	Z1	T3	Z1	T2	Z1	T5	T3		2	
2	岡島 紗葉	25	25	25	24.8	25	25	24.8	25	199.6	T1	Z1	T1	Z1	T1	Z1	T3	Z3	T1	Z1	T1	Z1	T3	Z1	T1	T1	1
3	勝山 能行	25	25	25	0	25	9.9	9.9	0	119.8	T1	Z1	T1	Z1	T1	Z1	T0	Z0	T1	Z1	T0	Z2	T0	Z2	T0	T0	3

オープン

No.	氏名	B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	B8	成績	B1	B2	B3	B4	B5	B6	B7	B8	順位								
1	石丸 心遥	25	24.8	0	9.9	9.9	0	24.2	0	93.8	T1	Z1	T3	Z1	T0	Z0	T0	Z2	T0	Z2	T0	Z0	T9	Z9	T0	Z0	8
2	石丸 純乃介	25	25	0	24.8	25	25	25	25	174.8	T1	Z1	T1	Z1	T0	Z0	T3	Z1	T1	Z1	T1	Z1	T1	Z1	T1	Z1	3
3	小刀 柁 優光	25	24.9	0	10	0	9.2	24.9	24.9	118.9	T1	Z1	T2	Z1	T0	Z0	T0	Z1	T0	Z3	T0	Z9	T2	Z2	T2	Z2	6
4	八田 泰成	25	25	9.9	25	25	24.7	24.9	25	184.5	T1	Z1	T1	Z1	T0	Z2	T1	Z1	T1	Z1	T4	Z3	T2	Z2	T1	Z1	2
5	藤沢 要樹	25	24.9	0	10	0	0	24.4	24.9	109.2	T1	Z1	T2	Z1	T0	Z0	T0	Z1	T0	Z0	T0	Z0	T7	Z7	T2	Z2	7
6	古川 大智	25	25	9.9	25	25	24.7	25	25	184.6	T1	Z1	T1	Z1	T0	Z2	T1	Z1	T1	Z1	T4	Z1	T1	Z1	T1	Z1	1
7	牧田 康弘	25	25	0	24.9	24.5	0	24.9	24.9	149.2	T1	Z1	T1	Z1	T0	Z0	T2	Z1	T6	Z4	T9	Z0	T2	Z2	T2	Z2	5
8	牧田 優輝	25	25	0	25	25	24.3	24.9	25	174.2	T1	Z1	T1	Z1	T0	Z0	T1	Z1	T1	Z1	T8	Z1	T2	Z2	T1	Z1	4

決勝

ビギナー

No.	氏名	B1	B2	成績	B1	B2	順位	最終順位		
1	石丸 縁乃介	0	0	0	T0	Z0	T0	Z0	1	3
2	齋藤 樹	0	0	0	T0	Z0	T0	Z0	1	2
3	山本 拓磨	0	0	0	T0	Z0	T0	Z0	1	1

ミドル

No.	氏名	B1	B2	成績	B1	B2	順位	最終順位		
1	石丸 倅乃介	25	25	50	T1	Z1	T1	Z1	1	2
2	岡島 紗葉	25	25	50	T1	Z1	T1	Z1	1	1
3	勝山 能行	24.9	0	24.9	T0	Z0	T0	Z0	3	3

オープン

No.	氏名	B1	B2	成績	B1	B2	順位	最終順位		
1	石丸 純乃介	24.6	0	24.6	T5	Z3	T0	Z0	3	3
2	八田 泰成	24.7	10	34.7	T4	Z3	T0	Z1	2	2
3	古川 大智	24.9	25	49.9	T2	Z2	T1	Z1	1	1